

Bản án số: 04/2018/ HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 3 - 2018

V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Quý

Ông Lê Hải Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/ 2017/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị D kết hôn với anh Hoàng Xuân Q năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Q ghen tuông quá mức, thường xuyên đánh đập chị D khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách không thể hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, chị D và anh Q đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Đến nay chị D xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Q. Về con chung, chị D và anh Q đã có 01 con chung là Hoàng Xuân H - sinh ngày 11/02/2014, hiện đang ở cùng chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Bị đơn, anh Hoàng Xuân Q khai về quá trình vợ chồng kết hôn như chị D đã trình bày. Vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn, có xảy ra xô sát, nhưng chưa đến mức căng thẳng, anh Q nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức không thể hàn gắn, nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, trường hợp vợ chồng ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hạ, không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp liên quan đến người chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thu nhập của các đương sự. Chị D đã cung cấp: Các phiếu lương từ tháng 7 đến 10 năm 2017 thể hiện hằng tháng chị được hưởng mức lương trong khoảng từ 8.000.000đ đến 9.500.000đ; ngoài ra chị D còn cung cấp cho Tòa án một số bản phô tô ảnh chụp lại các tin nhắn nội dung thể hiện thời gian vừa qua anh Q đã liên tục nhắn tin xúc phạm danh dự nhân phẩm, đe dọa tính mạng của chị D và con chung là cháu H. Về phía anh Q đến nay không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu chứng cứ gì.

Xem xét đơn đề nghị của chị D, Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm anh Q thực hiện hành vi đe dọa, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị D và cháu Hạ”.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và nhiều lần tiến hành hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 27/12/2017, chị D và anh Q tự thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, anh Q thuận tình ly hôn chị D; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: xác định không có. Về con chung cả anh Q và chị D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng.

Theo nội dung tài liệu nguyên đơn cung cấp là bản sao sổ hộ khẩu gia đình số 560169838 do Công an thị xã (nay là thành phố) Sông Công cấp, thể hiện chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Xuân Q đã nhập khẩu vào hộ gia đình ông Nguyễn Văn Năm (bố đẻ chị D) tại xóm Đ, xã B, thành phố S từ ngày 29/9/2016, nơi thường trú trước khi chuyển đến: xóm L, xã X, huyện Y. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 12/01/2018, mẹ đẻ của anh Q cung cấp cho Tòa án bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình số 040261154 do Công an xã X, huyện Y cấp thể hiện chị D và anh Q có hộ khẩu tại xóm Làng Dưới, xã X, huyện Y (chủ hộ là ông Hoàng Văn H, bố đẻ anh Q), ngày đăng ký 04/5/2013, tại dòng nơi thường trú trước khi chuyển đến ghi nội dung là “đổi sổ” (đã được đối chiếu, nội dung giống bản gốc, thể hiện chị D, anh Q hiện vẫn có tên trong sổ hộ khẩu gia đình ông H), ngoài ra chị D còn giao nộp thêm 01 bản phô tô sổ hộ khẩu số 040320152 do Công an xã X, huyện Y cấp nội dung thể hiện anh Q (chủ hộ) và chị D có hộ khẩu tại xóm L, xã X, huyện Y; ngày đăng ký 06/11/2014; tại dòng nơi thường trú trước khi chuyển đến ghi nội dung là “tách hộ T² 04” (theo chị D trình bày, chị chỉ tìm thấy bản phô tô, không tìm thấy bản gốc nên Tòa án không đối chiếu được).

Để có căn cứ cho việc xác định chính xác về nơi cư trú hiện tại của chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Xuân Q, Tòa án đã có công văn đề nghị Công an thành phố Sông Công; Công an huyện Y và Công an xã X cung cấp thông tin và tài

liệu làm rõ thực tế anh Q và chị D có làm thủ tục tách sổ hộ khẩu từ hộ gia đình ông Hoat (thành hộ anh Q) vào ngày 06/11/2014 không? anh Q và chị D có làm thủ tục nhập khẩu từ hộ gia đình ông H hoặc sổ hộ khẩu gia đình anh Q vào hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn N từ ngày 29/9/2016 không? trình tự, thủ tục đã được thực hiện như thế nào. Qua nội dung trả lời tại các Công văn số 01 ngày 04/01/2018 của Công an xã X, số 44 ngày 23/01/2018 của Công an huyện Y và số 86 ngày 26/01/2018 của Công an thành phố Sông Công xác định: ngày 24/4/2013 chị Nguyễn Thị D chuyển khẩu từ xã B nhập khẩu vào gia đình ông Hoàng Văn H (bố đẻ anh Q) tại xã X, huyện Y. Ngày 26/10/2014, anh Q và chị D đã tách hộ khỏi hộ khẩu gia đình ông H (khi Công an xã X yêu cầu ông H mang sổ hộ khẩu gia đình ông H đến để làm thủ tục xóa tên anh Q, chị D thì gia đình ông H báo mất sổ nên Công an xã không làm được thủ tục xóa tên, đến nay bà V vợ ông dùng sổ hộ khẩu có cả tên vợ chồng anh Q và chị D, Công an xã X đã yêu cầu gia đình ông H mang sổ hộ khẩu đó đến Công an xã để làm thủ tục xóa tên vợ chồng anh Q). Ngày 13/9/2016, anh Q xin chuyển khẩu gia đình anh (gồm anh Q, chị D và con) về xã B, thành phố Sông Công (giấy chuyển khẩu HK07 số 27), ngày 29/9/2016 chị D và anh Q đã làm thủ tục đăng ký thường trú vào hộ gia đình ông Nguyễn Văn N (bố đẻ chị D) tại xóm Đ, xã B, thành phố S, trình tự thủ tục đăng ký thường trú đảm bảo đúng quy định tại Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn thi hành. Như vậy, xác định chị D và anh Q hiện tại có hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh Q đồng ý. Về con chung, cả chị D và anh Q đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hạ, không yêu cầu cấp dưỡng; căn cứ để được quyền trực tiếp nuôi con về phía chị D trình bày, hiện tại cháu Q đang ở cùng chị và gia đình, chị đang làm ở Công ty Samsung, có thu nhập riêng ổn định hằng tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ, về phía anh Q xác định hiện anh đang lao động làm kinh tế cùng gia đình bố mẹ anh Q, phần thu nhập của anh đóng góp hằng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Về tài sản và nợ chung cả chị D và anh Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Q; về con chung giao cháu Hạ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; buộc chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về ly hôn, tranh chấp và nuôi con chung. Qua nội dung các văn bản phúc đáp và tài liệu kèm theo của Công an thành phố Sông Công, Công an huyện Y và Công an xã X có đủ cơ sở xác định cả nguyên đơn và bị đơn hiện đều đang cư trú tại xã B, thành phố S. Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị D trình bày trong quá trình chung sống, chị D và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Q ghen tuông quá mức, thường xuyên đánh chị D, khiến tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị D và anh Q đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin ly hôn, tại phiên tòa anh Q cũng đồng ý, Tòa án căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị D là phù hợp.

Về con chung: Chị D và anh Q đã có 01 con chung là Hoàng Xuân H - sinh ngày 11/02/2014, hiện đang ở cùng chị D. Chị D và anh Q đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng. Qua tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp thể hiện hiện tại con chung đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, điều kiện về thu nhập, cư trú của chị D đều đảm bảo về nơi sinh sống, ăn học cho con chung phát triển về sau này. Nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung Hoàng Xuân H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế. Về phía anh Q cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nhưng anh Q đã có hành vi đe dọa đến danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mẹ con chị D và cháu H, ngoài ra anh Q cũng không nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh Q không có cơ sở chấp nhận. Chị D không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung cả chị D và anh Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm anh Q thực hiện hành vi đe dọa, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị D và cháu H”. Đồng thời Tòa án cũng kiến nghị tới các Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em và Hội Liên hiệp phụ nữ xã B, thành phố Sông Công có các biện pháp đảm bảo quyền lợi đối với cháu Hoàng Xuân H và chị Nguyễn Thị D.

[4] Về án phí: Chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6]Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn; giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 235, Điều 271 và Điều 273; điểm g khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Xuân Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Xuân H, sinh ngày 11/02/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q, anh Q được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Cả chị D và anh Q đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/ 2017/ QĐ – BPKCCTT ngày 18/ 12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công “Cấm anh Hoàng Xuân Q thực hiện hành vi đe dọa, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị Nguyễn Thị D và cháu Hoàng Xuân H”.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010795 ngày 31/10/ 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Hoàng Xuân Q. Báo cho chị D, anh Q biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND xã X, huyện Yên Thế;
- UBND + Hội LHPN xã B;
- Chi cục THA DS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Văn Phong

